

Tài khoản quản lý: N9543
Mật khẩu:

Mẫu số 01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: C1.A104
Môn thi: Kỹ năng đọc Ca thi: 7h30 Ngày thi: 17/4/2021

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên		Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0061	SV5437877	Nguyễn Thị	Ánh	25/07/1999		
2	TA0062	SV5437878	Nguyễn Trung	Hiếu	06/04/1999		
3	TA0063	SV5437879	Nguyễn Văn	Duy	12/06/1999		
4	TA0064	SV5437880	Đỗ Đức	Kiên	24/03/1999		
5	TA0065	SV5437881	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/12/1999		
6	TA0066	SV5437882	Nguyễn Quang Ninh	Anh	25/05/1999		
7	TA0067	SV5437883	Nguyễn Thị Minh	Hằng	1/1/1999		
8	TA0068	SV5437884	Nguyễn Thị Diệu	Linh	29/06/1999		
9	TA0069	SV5437885	Trần Thị	Tuyết	01/11/1998		
10	TA0070	SV5437886	Nguyễn Hải	Yến	3/2/1999		
11	TA0071	SV5437887	Vũ Thị	Thảo	05/01/1999		
12	TA0072	SV5437888	Trần Đức	Thắng	29/08/1999		
13	TA0073	SV5437889	Nguyễn Ngọc	Diệp	31/08/1999		
14	TA0074	SV5437890	Phạm Tú	Uyên	15/7/1999		
15	TA0075	SV5437891	Mai Hoàng	Hải	20/10/1999		
16	TA0076	SV5437892	Nguyễn Thị	Thắm	01/04/1999		
17	TA0077	SV5437893	Vũ Thị Ngân	Hà	10/12/1999		
18	TA0078	SV5437894	Nguyễn Thị Tú	Uyên	05/02/1999		
19	TA0079	SV5437895	Lê Quý	Hòa	18/05/1999		
20	TA0080	SV5437896	Nguyễn Hồng	Nhung	21/08/1999		
21	TA0081	SV5437897	Đặng Anh	Thư	02/09/1999		
22	TA0082	SV5437898	Phạm Thị Như	Quỳnh	10/10/1999		
23	TA0083	SV5437899	Đoàn Thị Hương	Giang	14/11/1999		
24	TA0084	SV5437900	Nguyễn Thuý	Đào	29/06/1999		
25	TA0085	SV5437901	Lê Thị Ngọc	Yến	06/01/1999		

26	TA0086	SV5437902	Vũ Minh	Tuyển	1/10/1999		
----	--------	-----------	---------	-------	-----------	--	--

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)